

Bản án số: 80/2019/DS-ST

Ngày: 21/5/2019

V/v tranh chấp: "*Hợp đồng mua bán
tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mã Thanh Trung**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 480/2018/TLST-DS ngày 17/12/2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-DS ngày 01/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1965. (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/12/2018)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1958.

- Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1962.

- Anh **Võ Trường S**, sinh năm: 1993.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T và anh S: Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1962. (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

(Ông C, bà X có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Trước đây ông H có bán vật liệu xây dựng nhà và thức ăn gia súc cho vợ chồng bà X, ông T nhiều lần từ năm 2015 đến năm 2017 ngưng mua bán với nhau. Ngày 30/8/2017 âm lịch, hai bên đối chiếu nợ thì bà X, ông T còn nợ lại ông H số tiền thức ăn gia súc là 236.7055.000 đồng và tiền vật liệu xây dựng là 4.436.000 đồng, tổng cộng là 241.041.000 Bà X và anh S (Con của bà X và ông T) có ký tên vào biên nhận nợ đề ngày 30/8/2017 âm lịch và hẹn đến tháng 12/2017 trả, nhưng đến nay không trả. Nay ông H yêu cầu bà X, ông T và anh S chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông H tổng cộng số tiền 241.041.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/8/2017 âm lịch đến ngày 30/10/2018 âm lịch mức lãi suất là 1,25%/tháng số tiền là 42.182.000 đồng.

** Bị đơn đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn khác trong vụ án bà Phạm Thị X trình bày:* Bà thừa nhận có mua vật liệu xây dựng và thức ăn gia súc của ông H nhiều lần, đến khi ngưng mua bán bà còn nợ lại ông H số tiền nợ gốc tổng cộng là 241.041.000 đồng. Do bản thân bà đang bị bệnh, gia đình khó khăn nên đến nay chưa trả cho ông H. Nay bà cùng chồng và con bà đồng ý trả cho ông H số tiền nợ gốc là 241.041.000 đồng nhưng xin không trả lãi và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi xong nợ.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn đồng ý giảm mức tiền lãi suất chậm trả là 0,85% tháng thời gian trả lãi 14 tháng thành tiền là 28.683.000đồng. Bị đơn bà X đồng thời là đại diện ủy quyền cho các bị đơn còn lại vẫn giữ yêu cầu và ý kiến như trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà X thừa nhận có thiếu tiền thức ăn gia súc và tiền mua vật liệu xây dựng của ông H tổng cộng là 241.041.000 đồng. Bà X chăn nuôi làm kinh tế gia đình, anh S ký nhận nợ đồng ý trả với bà X. Ông T sống chung nhà và cũng biết việc bà X chăn nuôi gia súc và nợ tiền của ông H. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà X, ông T, anh S trả cho ông H số tiền vốn là 241.041.000 đồng là có căn cứ. Riêng về yêu cầu tính tiền lãi suất, theo đơn kiện ông H khai thời hạn trả vào tháng 12/2017 ăl mới tới hạn trả, như vậy thời gian tính tiền lãi suất chậm trả từ tháng 12/2017 (ăl) trở về sau, còn thời gian từ tháng 08/2017 (ăl) đến tháng 11/2017 (ăl) chưa tới hạn trả nợ nên không tính lãi chậm trả, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc ủy quyền:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn C theo văn bản ủy quyền đề ngày 21/12/2018.

Bị đơn ông Võ Văn T, anh Võ Trường S ủy quyền cho bà Phạm Thị X theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018

Xét việc ủy quyền của các bên là phù hợp quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên ông C là đại diện theo ủy quyền của ông H; Bà X là đại diện theo ủy quyền của ông T, anh S.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông H kiện bà X, ông T, anh S tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại huyện B, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Ông H kiện bà X, ông T, anh S về tranh chấp mua bán vật liệu xây dựng và thức ăn gia súc, nên xác định đây là Hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Vào năm 2015, bị đơn bà X có mua vật liệu xây dựng về xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo và mua thức ăn gia súc nhiều lần của ông H, khi mua có lúc trả tiền có lúc thiếu. Đến năm 2017, hai bên ngưng mua bán và đối chiếu nợ. Phía bà X còn nợ ông H số tiền là 261.705.000 đồng. Sau đó, bà X trả số tiền 25.000.000 đồng, còn nợ số tiền 236.705.000 đồng theo giấy nợ đề ngày 30/8/2017 âm lịch (âl) và tiền mua vật tư xây dựng là 4.436.000 đồng. Bà X thừa nhận còn nợ ông H tổng cộng số tiền là 241.041.000 đồng như ông H khai là đúng. Đồng thời, bà thừa nhận biên nhận nợ do ông H cung cấp đề ngày 30/8/2017 (âl) đúng là do bà và con bà tên Võ Trường S ký và ghi họ tên là đúng.

Xét thấy, sau khi đối chiếu nợ, bà X thừa nhận còn nợ ông H số tiền là 241.041.000 đồng và hứa trả tiền cho ông H. Sau đó, ông H đến đòi nhiều lần nhưng phía bà X hèn và kéo dài đến nay chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Đồng thời, việc bà chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền gây thiệt thòi đến quyền lợi của ông H. Nay ông H yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,85%/tháng từ ngày 30/8/2017 (âl) đến ngày 30/10/2018 (âl) là 14 tháng số tiền lãi là 28.683.000 đồng. Xét thấy, theo biên nhận nợ đề ngày 30/8/2017 (âl), bà X hứa sẽ trả tiền cho ông H vào tháng 12/2017 (âl). Như vậy, tính đến tháng 12/2017 (âl) thì phía bà X mới vi phạm nghĩa vụ trả tiền và phải chịu lãi suất chậm trả, nhưng tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông H chỉ yêu cầu thời gian tính lãi suất chậm trả là 14 tháng tính từ ngày đối chiếu nợ là ngày 30/8/2017 (âl) đến ngày 30/10/2018 (âl). Còn thời gian sau ngày 30/10/2018 (âl) đến ngày xét xử, phía nguyên đơn giảm không tính lãi là có lợi cho phía bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất chậm trả này của ông H.

Mặt khác, qua lời khai hai bên mặc dù bà X là người trực tiếp mua vật liệu xây dựng và thức ăn gia súc của ông H, nhưng về xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo và mua thức ăn gia súc chăn nuôi trong gia đình. Ông T, anh S sống chung nhà và cùng sử dụng. Hơn nữa, anh S cũng thừa nhận số nợ trên và đã ký tên vào giấy nợ cùng với bà X trả cho ông H. Còn ông T cũng có nhiều lần đến gặp ông H cho ông xin trả dần mỗi năm là 40.000.000 đồng. Mặt khác, bà X là đại diện ủy quyền cho ông T cũng đồng ý ông T cùng bà trả tiền cho ông H. Do vậy, ông H kiện yêu cầu ông T, anh S liên đới cùng bà X trả tiền là có căn cứ phù hợp với Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu ông T, bà X, anh S trả số tiền vốn là 241.041.000 đồng và tiền lãi chậm từ ngày 30/8/2017 (âl) đến ngày 30/10/2018 (âl) là 14 tháng số tiền lãi là 28.683.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc ông T, bà X, anh S liên đới trả cho ông H số tiền vốn là 241.041.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 28.683.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 269.724.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Điều 138 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, tại phiên tòa, bà X có yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu xin trả dần của bà X là nhằm kéo dài thời hạn trả nợ và không được ông H đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà X.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H nên bà X, ông T, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần tính lại thời gian trả tiền lãi suất chậm trả từ tháng 12/2017 (âl) trở về sau, còn thời gian từ tháng 08/2017 (âl) đến tháng 11/2017 (âl) chưa tới hạn trả nợ nên không tính lãi. Tuy nhiên, ông H chỉ yêu cầu thời gian tính lãi suất chậm trả là 14 tháng tính từ ngày đối chiếu nợ là ngày 30/8/2017 (âl) đến ngày 30/10/2018 (âl), còn thời gian sau ngày 30/10/2018 (âl) đến ngày xét xử ông đồng ý bớt, không tính lãi là có lợi cho phía bị đơn. Vì từ tháng 08/2017 (âl) đến tháng 11/2017 (âl) là 04 tháng, nhưng nếu bỏ thời hạn này ông H tính thêm thời gian từ tháng 10/2018 (âl) đến ngày xét xử nhằm tháng 03/2019 (âl) sẽ ra 05 tháng nữa. Như vậy sẽ không có lợi cho phía bị đơn, nên không chấp nhận phần đề nghị này của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Do vậy chỉ chấp nhận một phần đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440, Điều 357 Điều 138 và Điều 288 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H.

- Buộc bà Phạm Thị X, ông Võ Văn T, anh Võ Trường S liên đới trả cho ông Nguyễn Hữu H số tiền vốn và lãi tổng cộng là 269.724.000 đồng.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà X, ông T, anh S chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà X, ông T, anh S liên đới chịu 13.486.000 đồng án phí.

- Hoàn lại ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.080.000 đồng theo biên lai thu số 09625 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN